

Số: **6844** /TA-KD

Gò Vấp, ngày 10 tháng 12 năm 2020

V/v điều chỉnh giá nước và cung cấp danh sách  
các hộ nghèo hộ cận nghèo trên địa bàn.

Kính gửi : Ủy ban nhân dân Quận 12.

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh lộ trình 2019 - 2022;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TCT-KDDVKH ngày 05/11/2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH Một thành viên về ban hành đơn giá tiêu thụ nước sạch cho cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể; đơn vị sản xuất; đơn vị kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, lộ trình 2019 - 2022.

Công ty Cổ phần cấp nước Trung An (Công ty) gửi Quý Cơ quan về lộ trình điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn Công ty quản lý như sau:

|                                                        | Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> ) |          |          |          |
|--------------------------------------------------------|--------------------------------|----------|----------|----------|
|                                                        | Năm 2019                       | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
| <b>Mức sử dụng nước sinh hoạt</b>                      |                                |          |          |          |
| a) Đến 4m <sup>3</sup> /người/tháng                    |                                |          |          |          |
| - Hộ dân cư                                            | 5.600                          | 6.000    | 6.300    | 6.700    |
| - Riêng hộ nghèo và cận nghèo                          | 5.300                          | 5.600    | 6.000    | 6.300    |
| b) Từ 4m <sup>3</sup> đến 6m <sup>3</sup> /người/tháng | 10.800                         | 11.500   | 12.100   | 12.900   |
| c) Trên 6m <sup>3</sup> /người/tháng                   | 12.100                         | 12.800   | 13.600   | 14.400   |
| <b>Đối tượng sử dụng nước</b>                          |                                |          |          |          |
| 1. Cơ quan hành chính sự nghiệp, đoàn thể              | 10.900                         | 11.600   | 12.300   | 13.000   |
| 2. Đơn vị sản xuất                                     | 10.200                         | 10.800   | 11.400   | 12.100   |
| 3. Đơn vị kinh doanh - dịch vụ                         | 17.900                         | 19.000   | 20.100   | 21.300   |

(đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường)

Đơn giá năm 2019 được áp dụng từ ngày 15 tháng 11 năm 2019 và đơn giá năm 2020, 2021, 2022 được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 hàng năm.

Công ty kính đề nghị Quý Cơ quan thông báo cho cư dân địa bàn và cung cấp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có gắn đồng hồ nước để làm cơ sở lập hóa đơn tiền nước phù hợp theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND, ngày 24/10/2019 có thêm đối tượng sử dụng nước là **hộ nghèo và cận nghèo**.

Để biết thêm các thông tin chi tiết về *đơn giá, sự cố mạng lưới cấp nước, ngày đọc số, thanh toán hóa đơn, đăng ký định mức....* kính đề nghị Quý cơ quan hỗ trợ thông báo cư dân cài **App My Tawaco**; hoặc truy cập trang web; hoặc liên hệ hotline, hoặc các nhân viên đọc số, thu tiền của chúng tôi.

### ***Cài đặt ứng dụng My Tawaco trên điện thoại di động***

1. Cài đặt nhanh: <http://mytawaco.capnuoctrungan.vn>

2. Hoặc:

2.1 Đối với hệ điều hành Android (Samsung, LG, Sonny, Oppo...), chọn biểu tượng **CH play**, gõ từ khoá **tawaco**, chọn ứng dụng **My Tawaco**, chọn cài đặt (**install**);

2.2 Nếu dùng hệ điều hành iOS (Iphone, Ipad), chọn biểu tượng **Apps store**, gõ từ khoá **tawaco**, chọn ứng dụng **My Tawaco**, chọn cài đặt (**install**).

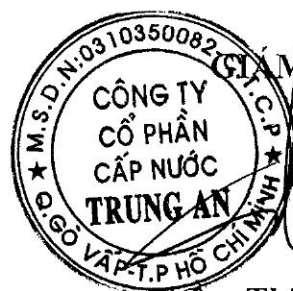
Thông tin hướng dẫn: Tham khảo video hướng dẫn sử dụng trên kênh youtube theo đường dẫn sau: [https://www.youtube.com/results?search\\_query=my+tawaco](https://www.youtube.com/results?search_query=my+tawaco)

***Hoặc liên hệ hotline: 19001836***

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu .



Trâm Thị Cẩm Vân